TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày: 26-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N, sinh năm 1972 tại Đ; nơi đăng ký thường trú: xóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Lê Thị K; chồng là Lê Thanh D; có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

2. Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1964 tại A; nơi đăng ký thường trú: tổ 7, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T (đã cH) và bà Nguyễn Thị P (đã cH); có 02 con lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

3. Đỗ Chí P, sinh năm 1994, tại Đ; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hoàng K và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

4. Phạm Văn T, sinh năm 1968, tại Đ; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã cH) và bà Nguyễn Thị H (đã cH); vợ là Nguyễn Thị P; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

5. Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, tại Đ; nơi đăng ký thường trú: khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị T; vợ Nguyễn Thị M; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

6. Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984, tại A; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã Phú Thành, huyện P, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị D; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

7. Lê Hữu T, sinh năm 1999, tại Đ; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã T A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Lê Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

8. Bùi Thanh V, sinh năm 1986, tại A; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N và bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 20 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 ngày 29-02-2020, Nguyễn Thị Phương N cùng Lê Thị N, Đỗ Chí P và Nguyễn Văn T sau khi ăn tối tại quán cơm "Phương Trang" của N tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì N rủ N, P, T chơi đánh bài binh Ấn Độ (binh 6 lá) thắng thua bằng tiền tại quán của mình. N, P, T đồng ý. Sau đó, N đến tiệm tạp hóa Tuyết Trinh thuộc khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để mua 05 bộ bài tây 52 lá với giá 100.000 đồng rồi về quán cơm "Phương Trang" để đánh bài. Tại đây, N, N, P, T cùng nhau chơi đánh bài thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T và Bùi Thanh V vào chơi đánh bài. Các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò N là người cầm cái, sử

dụng bài tây 52 lá chia bài cho những người chơi, mỗi người chơi đặt cược tiền với nhà cái, mức tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và mỗi người chơi nhận được 06 lá bài, sau đó xếp thành 02 chi bài, mỗi chi bài có 3 lá bài, rồi đối chiếu bài của mình với bài của N. Cách tính điểm thắng thua như sau:

Lớn nhất là ba lá bài thuộc các lá J, K, Q tiếp đến cộng điểm lấy điểm lẻ, 9 điểm cao nhất, nhỏ nhất 0 điểm (các lá bài 10, J, Q, K được tính 0 điểm). Nếu ai thắng 02 chi, hoặc thắng 01 chi, hòa 01 chi là thắng. Nếu ai hòa 02 chi, hoặc thắng 01 chi, thua 01 chi là hòa.

Đến khoảng 22 giờ 15 cùng ngày, lực lượng Công an huyện Bàu Bàng kiểm tra, bắt quả tang 08 đối tượng gồm N, N, P, T, H, P, T, V đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài binh Ấn Độ thắng thua bằng tiền. Tại chiếu bạc, lực lượng Công an thu giữ tang vật gồm tiền là 17.400.000 đồng, trong đó thu giữ của N 8.000.000 đồng; N 700.000 đồng; P 1.500.000 đồng; T 1.000.000 đồng; H 2.200.000 đồng; P 1.700.000 đồng; T 1.800.000 đồng và V 500.000 đồng; 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 03 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng.

Qua công tác điều tra xác định được như sau:

Lê Thị N sử dụng 10.200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt N thua số tiền 2.200.000 đồng, thu giữ của N tại chiếu bạc số tiền 8.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Phương N sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt N thắng 300.000 đồng, thu giữ của N tại chiếu bạc số tiền 700.000 đồng.

Đỗ Chí P sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt P thua 500.000 đồng, thu giữ của P tại chiếu bạc số tiền 1.500.000 đồng.

Phạm Văn T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt T không thắng không thua, thu giữ của T tại chiếu bạc số tiền 1.000.000 đồng.

Nguyễn Văn H sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt H thắng 1.000.000 đồng, thu giữ của H tại chiếu bạc 2.200.000 đồng.

Nguyễn Thanh P sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt P thắng 200.000 đồng, thu giữ của P tại chiếu bạc 1.700.000 đồng.

Lê Hữu T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt T thắng 800.000 đồng, thu giữ của T tại chiếu bạc 1.800.000 đồng.

Bùi Thanh V sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt V thắng 400.000 đồng, thu giữ của V tại chiếu bạc 500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 32/KSĐT ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Thị Phương N, Đỗ Chí P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T và Bùi Thanh V về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Về điều luật và hình phạt đối với các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Lê Thị N: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt tiền bị cáo Lê Thị N từ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đến 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương N: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Phương N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Bị cáo Đỗ Chí P: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt tiền bị cáo Đỗ Chí P từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Bị cáo Phạm Văn T: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn H: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh P: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Bị cáo Lê Hữu T: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Bị cáo Bùi Thanh V: áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh V từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 17.400.000 đồng thu trên chiếu bạc, các bị cáo N, N, P, T, H, P, T, V dùng để đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào công quỹ.

Đối với 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 03 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Thị Phương N, Đỗ Chí P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T, Bùi Thanh V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập có được trong hồ sơ vụ án, không có ý kiến gì quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 29-02-2020, tại quán cơm "Phương Trang" thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Thị Phương N, Đỗ Chí P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T và Bùi Thanh V cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh bài binh Ấn Độ thì bị Công an huyện Bàu Bàng phát hiện bắt quả tang, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.400.000 đồng. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được Nhà nước ta nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo N đóng vai trò chính, là người làm cái, bị cáo N đi mua bài và sử dụng nơi ở để đánh bạc, các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc, nên mức hình phạt của N và N phải nặng hơn.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

- Số tiền 17.400.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 03 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo: Lê Thị N, Nguyễn Thị Phương N, Đỗ Chí P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T và Bùi Thanh V.

Căn cứ vào các Điều 106, 135, khoản 2 Điều 136, 260, 328, 290, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Thị Phương N, Đỗ Chí P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T và bị cáo Bùi Thanh V phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Thị N số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương N số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Chí P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.400.000 (mười bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng và Ủy nhiệm chi ngày 10 tháng 6 năm 2020 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng).

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Thị Phương N, Đỗ Chí P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh P, Lê Hữu T và bị cáo Bùi Thanh V. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Các bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân